

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:
66/2026/HSST
Ngày: 12/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tây Nguyên và bà Nguyễn Thị Đào.

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Khởi Vinh - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2026/TLST-HS ngày 19/5/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXXST-HS ngày 01/6/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Minh Đ**, sinh năm 1978 tại Nghệ An; Số CCCD: 040078003862, cấp ngày 19/04/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức Q (đã chết) và con bà Phạm Thị C, sinh năm 1956; Bị cáo có vợ là Lô Thị L, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: 01 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2025/HS-ST, ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng xử phạt Trần Minh Đ 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2026 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Phan Văn G, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lô Thị L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 08/3/2026, Trần Minh Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48D1 - 003.06 (xe do Trần Minh Đ mua lại của một người đàn ông chưa xác định nhân thân, lai lịch ở xã K, tỉnh Lâm Đồng) đi từ nhà đến rẫy cà phê của gia đình tại thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng để tưới nước. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Trần Minh Đ điều khiển xe đi đến rẫy cà phê của người dân tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng để tìm chặt cây lồ ô thì phát hiện có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48C1 - 307.14 (xe của ông Phan Văn G) đang dựng gần chòi rẫy, cốp xe không khóa, Trần Minh Đ mở yên xe lên thì thấy bên trong cốp xe có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu vàng nên Đ đã lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48D1 - 003.06 về nhà. Trên đường đi, Trần Minh Đ tắt nguồn điện thoại để tránh sự phát hiện rồi mang chiếc điện thoại cất giấu trên nóc tủ quần áo trong phòng ngủ của mình để sau này bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Công an xã Đ dựa trên định vị của thiết bị, phát hiện chiếc điện thoại tại nhà của Trần Minh Đ. Tại Cơ quan điều tra, Trần Minh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu vàng và 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SuperDream màu nâu, biển kiểm soát 48D1-003.06.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 12/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản xã Đ, tỉnh Lâm Đồng kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu vàng (đã qua sử dụng) có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt tài sản là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSLDG-KV8 ngày 18/5/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Trần Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025). Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ từ 08 (T) đến 12 (Mười hai) tháng tù; tổng hợp hình phạt 09 (Chín) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm

số 25/2025/HS-ST, ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù đến 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/3/2026.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu vàng cho ông Phan Văn G là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã chuyển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SuperDream màu nâu, biển kiểm soát 48D1-003.06 đến Công an xã N, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị cáo Trần Minh Đ đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại ông Phan Văn G số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), ông G không yêu cầu thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh Đ thừa nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội và thống nhất với tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng đã đề nghị, không có ý kiến phản đối, kêu oan. Bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có căn cứ để xác định: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 08/3/2026, tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị

cáo Trần Minh Đ có hành vi lén lút trộm cắp của ông Phan Văn G 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu vàng có giá trị 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận hành vi của bị cáo Trần Minh Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Xét hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản của bị hại nên bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 12.000.000 đồng. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản, công sức của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xét xử 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 25/2025/HS-ST, ngày 30/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội mới trong thời gian chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Minh Đ.

[5] Đối với bà Lô Thị L không biết bị cáo Trần Minh Đ cất giấu tài sản trộm cắp tại nhà của mình nên không xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị cáo Trần Minh Đ đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại ông Phan Văn G số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), ông G không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Chấp nhận Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số F560/QĐ-VPCQCSĐT ngày 14/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu vàng cho ông Phan Văn G là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số E1073/QĐ-VPCQCSĐT ngày 05/5/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã chuyển 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SuperDream màu nâu, biển kiểm soát 48D1-003.06 đến Công an xã N, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Minh Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Xét những chứng cứ buộc tội bị cáo, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đưa ra là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định mức hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Minh Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 08 (T) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 09 (Chín) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2025/HS-ST, ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01

(Một) năm 05 (Năm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/3/2026.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Chấp nhận Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số F560/QĐ-VPCQCSĐT ngày 14/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu vàng cho ông Phan Văn G là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số E1073/QĐ-VPCQCSĐT ngày 05/5/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã chuyển 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SuperDream màu nâu, biển kiểm soát 48D1-003.06 đến Công an xã N, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Minh Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 8 - Lâm Đồng;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Lâm Đồng;
- P. HSNV (PV06) - CA T. Lâm Đồng;
- Cơ quan THAHS-CA tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 8- Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Ngô Thị Vân

